



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU
XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 – 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 – 4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2014	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	10 – 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 31

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu 059249 ngày 28 tháng 05 năm 2003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Lâm Đồng cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 10 tháng 06 năm 2013.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 17B Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 85.000.000.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 gồm:

<u>STT</u>	<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
1	Xí Nghiệp Hiệp An	Quốc lộ 20, Hiệp An, Đức Trọng, Lâm Đồng
2	Xí Nghiệp Gạch ngói Tuynel Thạnh Mỹ	Nghĩa Lập, Thạnh Mỹ, Đơn Dương, Lâm Đồng
3	Xí Nghiệp Hiệp Tiến	Phường Lộc Tiến, Thị xã Bảo Lộc, Lâm Đồng
4	Xí Nghiệp Bê tông Hiệp Lực	17B Phù Đổng Thiên Vương, P.8, TP Đà Lạt

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch
Ông Lương Minh Nhật	Thành viên
Ông Võ Xuân Sơn	Thành viên
Ông Trần Đại Hiến	Thành viên
Ông Lê Xuân Diệp	Thành viên
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên
Ông Hầu Văn Tuấn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Vũ Ngọc Phách	Trưởng ban
Ông Phan Đình Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Thị Hương	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn An Thái	Tổng Giám đốc
Ông Trần Đại Hiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Ngọc Hải	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Lâm Đồng, ngày 18 tháng 03 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN AN THÁI



Số: 15.114/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2015 từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

(Phần tiếp theo trang 04)



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL



TẶNG QUỐC THẮNG

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0075-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

LỘ NGUYỄN THÚY PHƯỢNG

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1191-2013-026-1



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		70.684.887.264	57.140.457.905
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	19.388.759.188	15.049.708.499
1. Tiền	111		2.588.759.188	5.049.708.499
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.800.000.000	10.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	32.876.518.017	21.455.920.002
1. Phải thu khách hàng	131		32.435.439.173	21.972.942.251
2. Trả trước cho người bán	132		2.502.674.185	2.316.647.050
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		5.489.150.167	5.372.974.877
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(7.550.745.508)	(8.206.644.176)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	17.701.521.810	19.397.701.116
1. Hàng tồn kho	141		18.377.904.664	20.238.544.409
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(676.382.854)	(840.843.293)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		718.088.249	1.237.128.288
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	161.400.000	1.086.424.273
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	556.688.249	150.704.015

(Phần tiếp theo trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		81.075.930.716	86.335.937.379
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		66.609.769.551	70.329.743.968
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	65.504.317.809	66.459.884.012
+ Nguyên giá	222		156.596.174.903	143.060.318.425
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(91.091.857.094)	(76.600.434.413)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.7	1.105.451.742	1.331.110.065
+ Nguyên giá	228		4.600.392.098	4.966.943.358
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.494.940.356)	(3.635.833.293)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	2.538.749.891
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	12.333.617.491	12.139.717.491
1. Đầu tư vào công ty con	251		12.333.617.491	12.139.717.491
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.132.543.674	3.866.475.920
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	1.416.326.962	3.190.394.199
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.10	716.216.712	676.081.721
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		151.760.817.980	143.476.395.284

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		22.465.988.749	16.399.118.874
I. Nợ ngắn hạn	310		22.395.988.749	16.329.118.874
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	5.11	10.629.414.725	7.031.648.786
3. Người mua trả tiền trước	313	5.11	1.127.814.201	1.804.594.168
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	3.091.206.452	1.436.377.113
5. Phải trả người lao động	315	5.13	3.882.328.443	3.555.890.979
6. Chi phí phải trả	316	5.14	2.273.702.188	544.934.191
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	873.732.926	1.375.175.825
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.16	517.789.814	580.497.812
II. Nợ dài hạn	330		70.000.000	70.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		70.000.000	70.000.000
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		129.294.829.231	127.077.276.410
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	129.294.829.231	127.077.276.410
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.000.000.000	85.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.378.566.720	21.378.566.720
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(4.372.135.515)	(4.372.135.515)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.832.301.860	8.832.301.860
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.766.977.862	2.904.552.158
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		14.689.118.304	13.333.991.187
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		151.760.817.980	143.476.395.284

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Mẫu số B 01 - DN

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		2.965.949.443	2.965.949.443
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		17.349,66	147.643,28
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lâm Đồng, 18 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

LÊ NAM ĐÔNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÊ NAM ĐÔNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN AN THÁI

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	186.190.843.728	183.759.748.490
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.323.938.441	1.149.461.176
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	184.866.905.287	182.610.287.314
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	147.809.099.894	139.001.846.083
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37.057.805.393	43.608.441.231
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.401.289.564	3.589.024.909
7. Chi phí tài chính	22	6.4	46.162.015	39.038.689
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	3.449.747
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	9.235.922.588	8.397.365.730
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	17.629.461.073	16.545.565.572
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.547.549.281	22.215.496.149
11. Thu nhập khác	31	6.7	404.594.328	4.807.702.633
12. Chi phí khác	32	6.8	1.015.511.318	4.944.970.085
13. Lợi nhuận khác	40		(610.916.990)	(137.267.452)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.936.632.291	22.078.228.697
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	2.397.352.370	4.829.714.610
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.539.279.921	17.248.514.087

Lâm Đồng, 18 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC






LÊ NAM ĐỒNG

LÊ NAM ĐỒNG

NGUYỄN AN THÁI

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.936.632.291	22.078.228.697
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		15.352.917.406	13.700.791.329
Các khoản dự phòng	03		(820.359.107)	344.294.797
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(50.449.377)	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.380.125.101)	(2.144.604.086)
Chi phí lãi vay	06		-	3.449.747
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		24.038.616.112	33.982.160.484
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(10.886.942.623)	2.243.018.866
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.860.639.745	(271.206.647)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		5.649.535.723	(3.538.831.104)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		2.699.091.510	1.042.672.149
Tiền lãi vay đã trả	13		-	(3.449.747)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.545.976.178)	(5.037.484.209)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(102.842.989)	(184.544.991)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		21.712.121.300	28.232.334.801
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(12.096.164.852)	(25.216.349.813)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		165.000.000	993.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(193.900.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.073.721.341	4.025.768.125
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.051.343.511)	(20.197.581.688)

(Phần tiếp theo trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	1.881.680.386
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(1.881.680.386)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.321.727.100)	(7.993.272.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.321.727.100)	(7.993.272.900)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		4.339.050.689	41.480.213
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		15.049.708.499	15.008.228.286
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		19.388.759.188	15.049.708.499

Lâm Đồng, 18 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

LÊ NAM ĐỒNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÊ NAM ĐỒNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN AN THÁI

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà Nước và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 059249 ngày 28 tháng 05 năm 2003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Lâm Đồng cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 10 tháng 06 năm 2013.

Ngày 30 tháng 11 năm 2006, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo giấy phép số 91/UBCK-GPNY ngày 30/11/2006. Ngày 20 tháng 12 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo thông báo số 820/TTGDHCM-NY ngày 14/12/2006 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 85.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 17B Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2014 gồm:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Xí Nghiệp Hiệp An	Quốc lộ 20, Hiệp An, Đức Trọng, Lâm Đồng
2	Xí Nghiệp Gạch ngói Tuynel Thanh Mỹ	Nghĩa Lập, Thanh Mỹ, Đơn Dương, Lâm Đồng
3	Xí Nghiệp Hiệp Tiến	Phường Lộc Tiến, Thị xã Bảo Lộc, Lâm Đồng
4	Xí Nghiệp Bê tông Hiệp Lực	17B Phù Đổng Thiên Vương, P.8, TP Đà Lạt

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có các Công ty con:

Tên	Ngành nghề	Vốn điều lệ đăng ký (đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Công ty	
			31/12/2014	01/01/2014
1. Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Khai thác khoáng sản	5.000.000.000	100%	100%
2. Công ty CP Hiệp Thành	Sản xuất các sản phẩm gạch, ngói các loại	12.600.000.000	60,02%	58,48%

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2014 là 299 nhân viên (31/12/2013: 331 nhân viên).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt, san lấp mặt bằng
- Kinh doanh vận chuyển hàng
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản
- Hoạt động xuất nhập khẩu
- Trồng rừng

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12; riêng năm tài chính đầu tiên được bắt đầu kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2003.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.4 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5 Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 02 đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Chi phí đền bù, phí cấp quyền khai thác mỏ;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2014</u>
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25 năm
+ Máy móc thiết bị	03 - 15 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 12 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
+ Cây lâu năm và tài sản khác	04 - 07 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại :

- Tại 17B Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng : đã trích hết khấu hao
- Tại Xí nghiệp Hiệp Tiến: . Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.
- Tại Xí nghiệp Thạnh Mỹ : quyền sử dụng đất có thời hạn 12 năm và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.9 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.10 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc.

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.11 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.12 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tắt toán trong năm 2012.

4.13 Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.14 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.
- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.15 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

4.16 Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế 10%

- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.17 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	25.324.719	8.971.337
Tiền gửi ngân hàng	2.563.434.469	5.040.737.162
Các khoản tương đương tiền	16.800.000.000	10.000.000.000
Tổng cộng	19.388.759.188	15.049.708.499

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	32.435.439.173	21.972.942.251
Trả trước cho người bán	2.502.674.185	2.316.647.050
Các khoản phải thu khác	5.489.150.167	5.372.974.877
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	40.427.263.525	29.662.564.178
Dự phòng phải thu khó đòi	(7.550.745.508)	(8.206.644.176)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	32.876.518.017	21.455.920.002

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Các khoản phải thu các bên liên quan được chi tiết như sau – Xem thêm mục 7

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	2.529.933.000	3.884.404.500
Công ty CP Hiệp Thành	1.758.900.000	470.510.566
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	1.649.737.200	1.012.971.000
Cộng	5.938.570.200	5.367.886.066

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu lợi nhuận chuyển về từ Công ty TNHH Hiệp Thịnh Phát – xem mục 7	786.605.274	184.878.693
Phải thu tiền lợi nhuận chuyển về từ Công ty CP Hiệp Thành – xem mục 7	-	368.435.000
Phải thu khách hàng mảng xây lắp	4.425.873.866	4.425.873.866
Khác	276.671.027	393.787.318
Cộng	5.489.150.167	5.372.974.877

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

5.3. Hàng tồn kho

		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	7.788.581.019	6.315.748.798
Công cụ, dụng cụ	338.587.113	364.513.397
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.839.269.333	2.144.700.258
Thành phẩm	6.661.442.811	9.824.078.470
Hàng hóa	1.750.024.388	1.589.503.486
Cộng giá gốc hàng tồn kho	18.377.904.664	20.238.544.409
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(676.382.854)	(840.843.293)
Giá trị thuần có thể thực hiện	17.701.521.810	19.397.701.116

Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm là 164.460.439 đồng do các khoản hàng tồn kho lập dự phòng năm 2013 đã được thanh lý trong năm 2014.

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

Đây là chi phí đền bù.

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

Đây là khoản tạm ứng của nhân viên.

(Phần tiếp theo ở trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục							VND
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện truyền vận tải dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	37.725.871.612	79.446.615.927	24.601.337.099	449.474.029	520.611.939	316.407.819	143.060.318.425
Mua trong năm	567.878.182	6.058.530.753	3.089.660.363	63.900.000	-	-	9.779.969.298
Đầu tư XDCB hoàn thành	4.385.667.403	97.944.000	-	-	-	-	4.483.611.403
Thanh lý, nhượng bán	(694.967.273)	-	-	(32.756.950)	-	-	(727.724.223)
Số dư cuối năm	41.984.449.924	85.603.090.680	27.690.997.462	480.617.079	520.611.939	316.407.819	156.596.174.903
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	17.238.495.922	44.630.113.975	13.795.133.987	274.424.615	380.354.133	281.911.781	76.600.434.413
Khấu hao trong năm	2.592.238.447	9.432.990.785	2.942.127.999	81.034.948	61.608.732	17.258.172	15.127.259.083
Thanh lý, nhượng bán	(603.079.452)	-	-	(32.756.950)	-	-	(635.836.402)
Số dư cuối năm	19.227.654.917	54.063.104.760	16.737.261.986	322.702.613	441.962.865	299.169.953	91.091.857.094
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	20.487.375.690	34.816.501.952	10.806.203.112	175.049.414	140.257.806	34.496.038	66.459.884.012
Tại ngày cuối năm	22.756.795.007	31.539.985.920	10.953.735.476	157.914.466	78.649.074	17.237.866	65.504.317.809

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 26.481.104.653 đồng.

(Phần tiếp theo ở trang 20)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Hệ thống quản lý chất lượng ISO	Quyền sử dụng đất	Chi phí thăm dò hàm mỏ	Phần mềm máy vi tính	VND
					Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	366.551.260	1.634.797.000	2.528.795.098	436.800.000	4.966.943.358
Thanh lý, nhượng bán	(366.551.260)	-	-	-	(366.551.260)
Số dư cuối năm	-	1.634.797.000	2.528.795.098	436.800.000	4.600.392.098
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	366.551.260	1.120.786.000	2.056.439.259	92.056.774	3.635.833.293
Khấu hao trong năm	-	-	138.298.323	87.360.000	225.658.323
Thanh lý, nhượng bán	(366.551.260)	-	-	-	(366.551.260)
Số dư cuối năm	-	1.120.786.000	2.194.737.582	179.416.774	3.494.940.356
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	514.011.000	472.355.839	344.743.226	1.331.110.065
Tại ngày cuối năm	-	514.011.000	334.057.516	257.383.226	1.105.451.742

Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.995.131.520 đồng.

5.8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	12.333.617.491	12.139.717.491
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	12.333.617.491	12.139.717.491
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	12.333.617.491	12.139.717.491

Đầu tư vào cổ phiếu công ty con được chi tiết như sau:

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	100%	4.771.017.491	100%	4.771.017.491
Công ty CP Hiệp Thành	60,02%	7.562.600.000	58.48%	7.368.700.000
Cộng		12.333.617.491		12.139.717.491

Lý do thay đổi khoản đầu tư vào cổ phiếu Công ty CP Hiệp Thành:

- Về số lượng: 19.390.000 cổ phiếu
- Về giá trị: 193.900.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

5.9. Chi phí trả trước dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí đền bù để khai thác mỏ	-	640.589.813
Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản	491.778.006	-
Chi phí xây dựng trạm bê tông	402.783.733	-
Chi phí sửa chữa	521.765.223	2.549.804.386
Tổng cộng	1.416.326.962	3.190.394.199

5.10. Tài sản dài hạn khác

Đây là khoản ký quỹ bảo vệ môi trường cho việc khai thác mỏ.

5.11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	10.629.414.725	7.031.648.786
Người mua trả tiền trước	1.127.814.201	1.804.594.168
Tổng cộng	11.757.228.926	8.836.242.954

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó, khoản phải trả các bên liên quan như sau – Xem thêm mục 7:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	4.588.395.134	3.464.435.442
Tổng cộng	4.588.395.134	3.464.435.442

5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	517.273.091	68.092.548
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.435.002.159	583.625.966
Thuế thu nhập cá nhân	72.855.255	36.304.499
Thuế tài nguyên, thuế nông nghiệp	777.594.415	278.788.200
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	63.302.932	379.800.000
Các khoản phí, lệ phí	225.178.600	89.765.900
Tổng cộng	3.091.206.452	1.436.377.113

5.13. Phải trả người lao động

Đây là khoản lương tháng 12 năm 2014 và thưởng năm 2014 và quỹ lương cho năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

5.14. Chi phí phải trả

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Trích trước chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản	1.526.410.928	-
Trích trước chi phí hoàn nguyên	716.216.712	487.496.491
Trích trước chi phí điện trạm bê tông Bảo Lộc	31.074.548	
Trích trước chi phí công trình Đào Hoa Lý	-	57.437.700
Tổng cộng	2.273.702.188	544.934.191

5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	163.813.734	137.024.657
Các khoản phải trả, phải nộp khác	709.919.192	1.238.151.168
Tổng cộng	873.732.926	1.375.175.825

5.16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	580.497.812	724.907.812
Sử dụng trong năm	(62.707.998)	(144.410.000)
Số dư cuối năm	517.789.814	580.497.812

(Phần tiếp theo ở trang 23)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

5.17. Vốn chủ sở hữu**5.17.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của hữu chủ sở	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quý thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	VND Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	85.000.000.000	21.378.566.720	(4.372.135.515)	10.791.038.504	5.024.565.514	117.822.035.223
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	17.248.514.087	17.248.514.087
Cổ tức phải trả năm trước	-	-	-	-	(7.993.272.900)	(7.993.272.900)
Trích lập quỹ năm trước	-	-	-	945.815.514	(945.815.514)	-
Số dư đầu năm nay	85.000.000.000	21.378.566.720	(4.372.135.515)	11.736.854.018	13.333.991.187	127.077.276.410
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	10.539.279.921	10.539.279.921
Cổ tức phải trả năm nay	-	-	-	-	(8.321.727.100)	(8.321.727.100)
Trích lập quỹ năm nay	-	-	-	862.425.704	(862.425.704)	-
Số dư cuối năm nay	85.000.000.000	21.378.566.720	(4.372.135.515)	12.599.279.722	14.689.118.304	129.294.829.231

(Phần tiếp theo ở trang 24)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

5.17.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị
Tổ chức trong nước	61,0%	51.886.580.000	61,0%	51.886.580.000
Tổ chức nước ngoài	0,3%	248.000.000	0,3%	248.000.000
Cá nhân trong nước	37,7%	32.025.870.000	37,7%	32.025.870.000
Cá nhân nước ngoài	1,0%	839.550.000	1,0%	839.550.000
Tổng cộng	100%	85.000.000.000	100%	85.000.000.000

5.17.3. Cổ phần

	VND	
	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	8.500.000	8.500.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được bán ra	8.500.000	8.500.000
▪ Số lượng cổ phần được mua lại	(342.500)	(342.500)
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	8.157.500	8.157.500
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bentonite và giao khoán mỏ	12.638.673.617	16.868.718.042
Doanh thu gốm sứ chịu nhiệt	33.733.116.700	28.248.960.501
Doanh thu gạch	22.806.252.093	19.408.765.914
Doanh thu cao lanh	30.768.393.524	39.230.523.450
Doanh thu bê tông	86.244.407.794	80.002.780.583
Giảm giá hàng bán	-	(32.838.607)
Thuế xuất khẩu	(1.323.938.441)	(1.116.622.569)
Doanh thu thuần	184.866.905.287	182.610.287.314

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bentonite và giao khoán mỏ	16.475.371.939	16.259.773.139
Giá vốn gốm sứ chịu nhiệt	24.381.615.479	22.655.384.218
Giá vốn gạch	16.978.576.988	15.629.602.161
Giá vốn cao lanh	25.338.323.395	28.701.066.497
Giá vốn bê tông	64.799.672.532	55.600.384.514
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(164.460.439)	155.635.554
Tổng cộng	147.809.099.894	139.001.846.083

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	639.452.648	671.596.683
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.667.560.274	2.814.370.259
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	42.351.215	102.925.004
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	51.288.742	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	636.685	132.963
Tổng cộng	3.401.289.564	3.589.024.909

6.4. Chi phí tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	-	3.449.747
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	45.152.192	32.245.378
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	839.365	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	170.458	3.343.564
Tổng cộng	46.162.015	39.038.689

6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	2.584.903.219	2.296.453.335
Chi phí vật liệu, bao bì	1.904.685.802	2.169.693.285
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	46.965.314	45.999.387
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.194.142.245	1.799.144.016
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.527.160.444	1.123.661.505
Chi phí bằng tiền khác	978.065.564	962.414.202
Tổng cộng	9.235.922.588	8.397.365.730

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	11.071.599.506	10.268.323.701
Chi phí vật liệu quản lý	1.280.847.943	1.012.837.033
Chi phí đồ dùng văn phòng	933.425.441	504.964.907
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.040.379.402	886.210.385
Thuế, phí và lệ phí	623.725.898	851.741.147
Chi phí dự phòng	(655.898.668)	188.659.243
Chi phí dịch vụ mua ngoài	789.683.003	548.356.197
Chi phí bằng tiền khác	2.545.698.548	2.284.472.959
Tổng cộng	17.629.461.073	16.545.565.572

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

6.7. Thu nhập khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Xử lý hàng tồn kho	205.341.472	1.139.870.050
Xử lý công nợ	188.499	85.181.952
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	165.000.000	3.260.601.001
Thu nhập công nợ đã lập dự phòng	-	51.236.500
Thu từ bồi thường hợp đồng	18.680.000	267.907.439
Thu nhập khác	15.384.357	2.905.691
Tổng cộng	404.594.328	4.807.702.633

6.8. Chi phí khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	91.887.821	4.601.963.853
Chi phí phạt hành chính	613.385.208	-
Thanh toán trợ cấp thôi việc	159.549.458	-
Chi phí di dời xưởng	-	117.936.364
Phạt thuế tài nguyên, môi trường	-	55.000.000
Xử lý hàng tồn kho	-	122.818.862
Chi phí khác	150.688.831	47.251.006
Tổng cộng	1.015.511.318	4.944.970.085

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	12.936.632.291	22.078.228.697
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	627.984.208	55.000.000
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(2.667.560.274)	(2.814.370.259)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	10.897.056.225	19.318.858.438
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	2.397.352.370	4.829.714.610

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế như: các khoản phạt vi phạm hành chính và phần chi phí khấu hao vượt mức quy định.

Các khoản điều chỉnh giảm là thu nhập từ cổ tức sau thuế thu nhập doanh nghiệp nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	87.587.551.195	90.049.891.047
Chi phí nhân công	29.331.755.692	28.124.617.366
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.352.917.406	13.694.705.779
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.497.343.100	23.890.035.082
Chi phí khác bằng tiền	9.597.370.480	9.015.997.792
Tổng cộng	171.366.937.873	164.775.247.066

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các bên liên quan sau:

Danh sách các bên liên quanMối quan hệ

1. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	Công ty mẹ
2. Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Công ty con
3. Công ty CP Hiệp Thành	Công ty con
4. Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT
5. Ông Nguyễn An Thái	Tổng Giám đốc

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng - xem thêm mục 5.2		
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	2.529.933.000	3.884.404.500
Công ty CP Hiệp Thành	1.758.900.000	470.510.566
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	1.649.737.200	1.012.971.000
Cộng	5.938.570.200	5.367.886.066

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khác – Xem thêm mục 5.2		
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	786.605.274	184.878.693
Công ty CP Hiệp Thành	-	368.435.000
Cộng	786.605.274	553.313.693

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán – Xem thêm mục 5.11		
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	(4.588.395.134)	(3.464.435.442)
Cộng	(4.588.395.134)	(3.464.435.442)

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	9.359.660.090	11.659.666.141
Công ty CP Hiệp Thành	2.710.996.985	3.777.291.349
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	1.565.739.501	1.780.189.948
Cộng	13.636.396.576	17.217.147.438

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Bán tài sản cố định		
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	-	2.299.939.091
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	-	272.727.273
Cộng	-	2.572.666.364

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức được chia		
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	786.605.274	972.195.259
Công ty CP Hiệp Thành	1.880.955.000	1.842.175.000
Cộng	2.667.560.274	2.814.370.259

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Mua nguyên vật liệu và nhận dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	20.840.764.957	25.223.837.793
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	107.673.909	-
Công ty CP Hiệp Thành	-	112.112.730
Cộng	20.948.438.866	25.335.950.523

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản cố định		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	-	3.960.909.092
Cộng	-	3.960.909.092

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

- Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	903.000.000	826.000.000
Lương của Ban Tổng giám đốc	1.018.482.112	1.682.174.500
Tổng cộng	1.921.482.112	2.508.174.500

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm tiêu chuẩn ghi nhận, cơ sở đo lường, cơ sở ghi nhận doanh thu và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.17.

- Các loại công cụ tài chính

	VND	
	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.388.759.188	15.049.708.499
Phải thu khách hàng và phải thu khác	29.310.567.531	18.192.171.941
Ký quỹ, ký cược	716.216.712	676.081.721
Tổng cộng	49.415.543.431	33.917.962.161
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	10.629.414.725	7.031.648.786
Chi phí phải trả	2.273.702.188	544.934.191
Tổng cộng	12.903.116.913	7.576.582.977

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
Đô la Mỹ (USD)	-	-	34.073,56	163.386,92

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2014	VND		
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	10.629.414.725	-	10.629.414.725
Chi phí phải trả	2.273.702.188	-	2.273.702.188
01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	7.031.648.786	-	7.031.648.786
Chi phí phải trả	544.934.191	-	544.934.191

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	VND		
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	29.310.567.531	-	29.310.567.531
Ký quỹ, ký cược	-	716.216.712	716.216.712

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.192.171.941	-	18.192.171.941
Ký quỹ, ký cược	-	676.081.721	676.081.721

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 18 tháng 3 năm 2015.

Lâm Đồng, ngày 18 tháng 3 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ NAM ĐỒNG

LÊ NAM ĐỒNG

NGUYỄN AN THÁI